

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 12-3-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị T1 Hương

Ông Phạm sanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và nợ chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2019/HNGĐ-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2020/QĐ-PT ngày 12/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Hoàng V, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 11A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Bà Trần Phương T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 11A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Cư trú hiện nay: Ấp Kênh 8A, xã T, huyện T1, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan Hoàng V

(Ông V, bà T có mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Phan Hoàng V trình bày:

Ông và bà Trần Phương T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 27/4/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì P sinh mâu T1 lần do bà T1 không tôn trọng gia đình ông, có thái độ xúc phạm ông và mẹ ông nhiều lần, đồng thời ông cho rằng bà T1 có mối quan hệ khác giới bên ngoài nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 nhưng vẫn sống chung một nhà, đến tháng 3 năm 2020 thì bà T1 bỏ nhà đi đến nay.

Trong quá trình chung sống do vợ chồng ông sống chung với mẹ ruột ông nên mọi T1 chi dùng cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày trong gia đình ông đều do mẹ ruột ông và bà T1 chi trả. Thông thường bà T1 chỉ buôn bán hột vịt trước nhà, ngoài ra không làm thêm nghề gì khác.

Nay ông yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Trần Phương T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Phan Hoàng Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/11/2015 hiện đang sống với bà T1, ông V đồng ý giao con cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng ông. Đối với khoản nợ hiện bà Nguyễn Thị Mỹ T2 đang khởi kiện ông không liên quan gì.

- Bị đơn bà Trần Phương T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Ngày 09/01/2020 âm lịch vợ chồng ông Phan Hoàng V và bà Trần Phương T1 có tham gia góp dây hụi ngày 100.000 đồng do bà làm chủ, dây hụi có 70 phần, hụi có lãi cố định 10.000 đồng/phần, hoa hồng 100.000 đồng. Trong dây hụi này vợ chồng V, T1 tham gia 07 phần, góp hụi sống đến ngày 12/01/2020 âm lịch thì lãnh phần hụi thứ nhất, ngày tiếp theo mỗi ngày lãnh một phần hụi đến ngày 18/01/2020 âm lịch thì lãnh hết tổng cộng 07 phần hụi đã tham gia.

Sau khi lãnh hết các phần hụi thì vợ chồng V, T1 tiếp tục góp hụi chết cho bà thêm được mỗi phần 11 lần nên còn nợ lại 49 lần x 100.000 đồng x 07 phần = 34.300.000 đồng. Dây hụi này đến nay đã mãn.

Khi áp hội bà có nói với ông V về việc bà T1 tham gia 07 phần hội ngày này, nhưng ông V không ý kiến gì. Toàn bộ việc góp tiền hội sống, hội chết cũng như việc nhận tiền hội được lãnh thì chỉ bà với bà T1 giao dịch với nhau, ông V không tham gia gì.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Hoàng V, bà Trần Phương T1 phải trả cho bà số tiền hội còn thiếu là 34.300.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Hoàng V được ly hôn với bà Trần Phương T1.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con : Giao con chung là cháu Phan Hoàng Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/11/2015 cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Ông Phan Hoàng V không cấp dưỡng nuôi con. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Buộc ông Phan Hoàng V, bà Trần Phương T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T2 34.300.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng) tiền hội còn thiếu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 12 tháng 10 năm 2020, ông Phan Hoàng V kháng cáo không đồng ý liên đới cùng bà Trần Phương T1 trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T2 tiền hội 34.300.000 đồng, do là khoản nợ riêng của bà T1; ông V không đồng ý nộp phí sơ thẩm 857.500 đồng đối với trách nhiệm trả nợ vì ông không biết vụ việc này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phan Hoàng V và bà Nguyễn Thị Mỹ T2 thống nhất thỏa thuận đối với phần nợ hội bà T2 kiện ông V bà T1: Do bà T2 với bà T1 trước đây có mối quan hệ thân tình nên bà T2 chấp nhận cho ông V trả bà T2 4.000.000 đồng (bốn triệu), phần nợ hội còn lại giữa bà T1 và bà T2 chấm dứt. Thời hạn ông V trả bà T2 số tiền trên là trong ngày 12/3/2021.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V và bà T2 đã thỏa T1ận về trả tiền nợ hui, theo đó ông V trả bà T2 4.000.000đ là xong phần nợ hui giữa bà T1 và ông V theo khởi kiện của bà T2. Việc thỏa T1ận giữa các bên không trái quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần của bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa T1ận giữa ông V và bà T2, sửa phần án phí, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hôn nhân, nuôi con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà Trần Phương T1 được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Phương T1.

[2] Về nợ chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phan Hoàng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan độc lập bà Nguyễn Thị Mỹ T2 đã thỏa T1ận được về việc thanh toán số tiền nợ hui theo khởi kiện của bà T2. Theo đó, Bà T2 chấp nhận cho ông V trả cho bà T2 số tiền nợ hui kiện ông V bà T1 là 4.000.000 đồng (bốn triệu), xem như nghĩa vụ trả nợ hui của ông V, bà T1 với bà T2 chấm dứt. Thời hạn ông V trả 4.000.000đ cho bà T2 là trong ngày 12/3/2021. Xét thấy, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và T2ả T1ận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và đạo đức xã hội nên sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm : Nguyên đơn ông Phan Hoàng V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ án phí có giá ngạch trên 4.000.000 đồng trả nợ chung; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông V đã nộp theo biên lai T1 số 0007796 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, còn lại phải nộp 300.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan độc lập bà Nguyễn Thị Mỹ T2 được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 857.500đ đã nộp theo Biên lai T1 số 0007906 ngày 15/6/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa T1ận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo nguyên đơn ông Phan Hoàng V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai T1 số 0006059 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 45, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 29, Danh mục án phí lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công nhận sự thỏa T1ận của các đương sự.

- Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang về nợ chung và án phí sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Hoàng V được ly hôn với bà Trần Phương T1.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con : Giao con chung là cháu Phan Hoàng Gia P, giới tính nam, sinh ngày 12/11/2015 cho bà Trần Phương T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; Ông Phan Hoàng V không cấp dưỡng nuôi con. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa T1ận giữa ông Phan Hoàng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan độc lập bà Nguyễn Thị Mỹ T2. Ông V có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi bà T1 thiếu bà T2 là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), số tiền còn lại theo khởi kiện bà T2 không yêu cầu ông V, bà T1 trả. Thời hạn thanh toán trong ngày 12/2/2021.

5. Về án phí

- Án phí sơ thẩm : Nguyên đơn ông Phan Hoàng V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ án phí có giá ngạch trên 4.000.000 đồng trả nợ chung; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm ông V đã nộp

theo biên lai T1 số 0007796 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, Ông V còn phải nộp 300.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan độc lập bà Nguyễn Thị Mỹ T2 được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 857.500đ đã nộp theo Biên lai T1 số 0007906 ngày 15/6/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí phúc thẩm: ông Phan Hoàng V phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai T1 số 0006059 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- UBND xã Đ, huyện A
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hương